

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Nâng cấp, sửa chữa đường lâm nghiệp khu làng Chen thôn 6, xã Bãi Trành,
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND huyện Như Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư: Nâng cấp, sửa chữa đường lâm nghiệp khu làng Chen thôn 6, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 05/10/2023 của UBND xã Bãi Trành và theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 120/TĐ-KTHT ngày 16/10/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường lâm nghiệp khu làng Chen thôn 6, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường lâm nghiệp khu làng Chen thôn 6, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Như Xuân.
3. Chủ đầu tư: UBND xã Bãi Trành, huyện Như Xuân.
4. Mục tiêu đầu tư: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, phục vụ phát triển sản xuất, góp phần thực hiện tốt định hướng phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

5. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế:

5.1. Quy mô đầu tư: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa đường lâm nghiệp khu làng Chen thôn 6, xã Bãi Trành, đạt tiêu chuẩn đường cấp III theo TCVN 7025:2002 về Đường ô tô lâm nghiệp - Yêu cầu thiết kế:

- Chiều dài tuyến: $L=614,97\text{m}$ (điểm đầu Km0+00 giao với đường HCM; điểm cuối: Km0+614,97 hướng đi vào đồi).

- Vận tốc thiết kế $V_{tk}=15\text{km/h}$;

5.2. Giải pháp thiết kế

a) Bình đồ: Tuyến chủ yếu bám theo đường cũ, một số vị trí trên tuyến được nắn chỉnh, cắt cua, mở rộng, đào nền, đắp nền để phù hợp với quy mô cấp đường.

b) Trắc dọc: Thiết kế trắc dọc tuyến theo hai điểm khống chế cao độ đường hiện trạng đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế;

c) Trắc ngang:

- Chiều rộng nền đường $B_n=4,5\text{m}$;

- Chiều rộng mặt đường $B_m=3,0\text{m}$;

- Chiều rộng lề đất $B_l=2 \times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$;

- Đốc mặt đường $i=2\%$; đốc lề đường $i=4\%$;

d) Nền đường: Nền đường đảm bảo độ chặt $K \geq 0.95$; độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1.5; độ dốc taluy nền đào 1/1.0;

- Kết cấu:

+ Mặt đường cấp phối đá dăm loại I, dày 18cm.

+ Nền đường đảm bảo độ chặt $K \geq 0.95$.

e) Thoát nước:

- Thoát nước ngang trên tuyến bằng 03 cống bản khẩu độ KĐ 1,0m, thiết kế mới, tại cọc 1A, cọc TC7 và cọc 4A. Kết cấu: Móng cống đổ bê tông M150 đá 1x2 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Thân cống, tường cánh, tường đầu, thân hố thu bằng bê tông M200 đá 1x2. Mũ mố, tấm bản bằng bê tông cốt thép M250 đá 1x2. Phủ mặt cống đổ bê tông M250 đá 1x2.

- Thoát nước dọc chủ yếu chảy tỏa và rãnh đất hình thang KT thông thủy rãnh (1,2x0,4x0,4)m.

(Chi tiết như hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật)

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công ty cổ phần xây dựng các công trình và thương mại 36.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Bãi Trành, huyện Như Xuân.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV.

9. Số bước thiết kế: 1 bước (Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật).

10. Danh mục các Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: Theo báo cáo kết quả thẩm định số 120/KTHT-TĐ, ngày 16/10/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Như Xuân.

11. Tổng mức đầu tư: **615.000.000 đồng**. (Bằng chữ: Sáu trăm mười lăm triệu đồng)

Trong đó: Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

- Chi phí xây lắp:	503.545.950 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	14.099.287 đồng
- Chi phí tư vấn:	86.122.016 đồng
- Chi phí khác:	6.957.764 đồng
- Chi phí dự phòng:	4.275.075 đồng

(chi tiết có phụ biểu kèm theo).

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

13. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2023 (Theo Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh) và ngân sách huyện.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao UBND xã Bãi Trành (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng, ban: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân; Chi cục thuế khu vực Như Thanh - Như Xuân, Chủ tịch UBND xã Bãi Trành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Phòng Kinh tế & Hạ tầng;
- Chủ đầu tư: 04 bản;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tuất

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường lâm nghiệp khu làng Chen thôn 6, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				466.246.250	37.299.700	503.545.950	Gxd
1.1.1	NỀN MẶT ĐƯỜNG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	289.335.682	23.146.855	312.482.537	
1.1.2	CỔNG QUA ĐƯỜNG		1		176.910.568	14.152.845	191.063.413	
2	Chi phí quản lý dự án	3,024%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	14.099.287		14.099.287	Gqlda
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				79.742.607	6.379.409	86.122.016	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			Dự toán chi tiết	33.318.117	2.665.449	35.983.566	
3.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	999.544	79.964	1.079.508	
3.3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5,4%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	25.177.298	2.014.184	27.191.482	
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,203%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	14.890.934	1.191.275	16.082.209	
3.5	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	1.356.714	108.537	1.465.251	
3.6	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSDX	0,1%		Mức tối thiểu	2.000.000	160.000	2.160.000	
3.8	Chi phí thẩm định HSYC, kết quả LCNT	0,05%			2.000.000	160.000	2.160.000	
4	Chi phí khác				6.957.764		6.957.764	Gk
4.1	Phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	250.000		250.000	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	3.505.764		3.505.764	
4.3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	20%		Tạm tính	3.202.000		3.202.000	
5	Chi phí dự phòng						4.275.075	Gdp
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	0,7%		(Gxd+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			4.275.075	
	Tổng cộng				567.045.908	43.679.109	615.000.092	Gxdct
	Làm tròn						615.000.000	

Bảng chữ: Sáu trăm mười lăm triệu đồng./.